

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2019/HS-ST
Ngày 10 - 10 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Khuôn
2. Ông Trần Quốc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đức Trọn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa: Ông Kim Hua - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2019/TLST - HS ngày 30 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST - HS ngày 26 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Phúc H, sinh ngày 01/01/1986 tại huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp T, xã Q, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Hữu P (chết) và bà Trần Hữu Phượng; Tiền sự: Không có; Tiền án: Không có; Nhân thân: Ngày 18/7/2008 bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đã được xóa án tích; Bị bắt tạm giữ từ ngày 07/5/2019 đến ngày 10/5/2019 chuyển sang tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Danh Ngọc T, sinh ngày 13/08/2001 tại huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp M, xã C, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Danh Sa R và bà Thạch Thị L; Tiền sự: Không có; Tiền án: Không có; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/6/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Danh Ngọc T: Bà K, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- Bị hại:

1. Ông P, sinh năm 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã P, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

2. Ông H, sinh năm 1955 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: M, xã P, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh

3. Ông V, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: M, xã Phong Thạnh, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh

4. Ông D, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Q, sinh năm 1987 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố N, phường L, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 11/4/2019 bị cáo H cùng với bị cáo T điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki màu đỏ, đen (không có biển kiểm soát) từ thành phố Hồ Chí Minh về nhà bị cáo T ngụ ấp M, xã C, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh để ăn tết người dân tộc Khmer. Khi về đến nhà bị cáo T, bị cáo H ở chơi và ngủ lại nhà của bị cáo T. Đến khoảng 10 giờ ngày 12/4/2019 bị cáo H nói với bị cáo T là muốn qua tỉnh Bến Tre thăm bạn mà đã gần hết tiền xài nên bị cáo H rủ bị cáo T đi tìm xe mô tô để lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài thì bị cáo T đồng ý. Bị cáo T điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki chở bị cáo H đi tìm xe mô tô để lấy trộm. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, khi chạy trong đường đal thuộc M, xã P, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, bị cáo H phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius màu trắng – đen, biển kiểm soát 84K1 – 060.09 của ông H dựng trước căn chòi lá gần đường đal và có chìa khóa trên xe; bị cáo H kêu bị cáo T xuống xe đi lấy trộm chiếc xe đó. Bị cáo T đi vào lén lút dẫn chiếc xe lại chỗ xe bị cáo H đang đậu và mở khóa nổ máy xe chạy đi ra hướng chợ Phố, thuộc xã P, bị cáo H chạy chiếc xe Suzuki theo sau. Sau đó, hai bị cáo đổi xe, bị cáo H chạy chiếc xe Sirius vừa trộm được về Bình Dương, còn bị cáo T chạy chiếc xe Suzuki về nhà. Khi đến tỉnh Bình Dương bị cáo H đã cầm chiếc xe tại dịch vụ cầm đồ N, do ông Q (1987) làm chủ, ngụ phường L, thị xã C, tỉnh Bình Dương được 8.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo H gọi điện thoại cho bị can Tài nói dối là đã bán chiếc xe đó được 5.000.000 đồng.

Ngày 15/4/2019 bị cáo H đi xe khách Năm Bang về huyện Cầu Kè, khi đến bến xe Năm Bang thì bị cáo gọi điện thoại cho bị cáo T đến rước. Bị cáo T đến rước và chở bị cáo H đến thuê phòng trọ tại nhà trọ T. Khi vào phòng trọ, bị cáo H chia cho bị cáo T 1.000.000 đồng là tiền cầm chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu trắng – đen, biển kiểm soát 84K1 – 060.09 trộm được vào ngày 12/4/2019, bị cáo T lấy tiền rồi chạy xe máy về nhà còn bị cáo H ở nhà trọ nghỉ. Đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, bị cáo H gọi điện thoại cho bị cáo T đến chở đi ăn, sau khi đi ăn hai bị cáo về nhà trọ nằm nghỉ. Đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, bị cáo H kêu bị cáo T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, biển kiểm soát 84k1 – 056.95 (bị cáo T mượn của mẹ bị cáo là bà Thạch Thị L) chở bị cáo đi tìm xe mô tô để lấy trộm. Đến khoảng 01 giờ, ngày 16

tháng 4 năm 2019 khi bị cáo T chở bị cáo H trên Quốc lộ 54 đoạn thuộc ấp A, xã C, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh thì bị cáo H phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, biển kiểm soát 84K1-070.65 của ông D dựng trên sân trước cửa nhà ông Duy nên bị cáo H kêu bị cáo T dừng xe lại để bị cáo H vào lấy trộm. Khi đó nhà ông Duy không đóng cửa và chìa khóa xe để trên bàn trong nhà, bị cáo H lén lút đi vào nhà lấy chìa khóa xe đi ra mở thử chiếc xe SIRIUS thì mở được khóa nên bị cáo H lén lút dẫn xe máy đến chỗ bị cáo T đang chờ. Sau khi lấy trộm được xe, bị cáo H điều khiển xe máy vừa trộm được chạy về Bình Dương còn bị cáo T chạy xe mô tô về nhà. Khi về tới Bình Dương, bị cáo H chạy xe đến khu vực phường H, thị xã C gặp người bạn Đ nhờ bán dùm. Sau khi Đen chạy xe đi bán đến chiều cùng ngày bị cáo H gọi điện thoại cho Đen thì Đen nói là bán được 4.000.000 đồng nhưng Đen chơi game bắn cá thua hết không có tiền đưa lại và hẹn để vài ngày nữa sẽ trả, sau đó Đen trốn luôn không ra gặp bị cáo H nữa.

Ngày 19/4/2019 bị cáo H đi xe khách từ tỉnh Bình Dương đến bến xe khách huyện Cầu Kè và gọi điện cho bị cáo T đến rước. Bị cáo T chạy xe đến rước và chở bị cáo H đến thuê phòng trọ tại nhà trọ T, sau đó bị cáo T chạy xe máy về nhà. Khoảng 20 giờ 30 phút, cùng ngày bị cáo H gọi điện cho bị cáo T đến nhà trọ T. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, bị cáo H kêu bị cáo T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, biển kiểm soát 84K1-301.81 (bị cáo T mượn của cha bị cáo là ông Danh Sa R) chở bị cáo H đi tìm xe mô tô để lấy trộm. Khi đi bị cáo H có mang theo một cái đèn pin kiểu đội đầu và một cây đoản để mở khóa xe. Đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, khi bị cáo T chở bị cáo H trên quốc lộ 54 đoạn thuộc M, xã Phong Thạnh, huyện Cầu Kè thì bị cáo H soi đèn pin phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Waylc, biển kiểm soát 51S8 – 4135 của ông V đang dựng trên đường đal cập bờ kênh đối diện nhà anh Tánh. Bị cáo H kêu bị cáo T dừng xe lại và kêu bị cáo T đi bộ vào lấy trộm chiếc xe đó còn bị cáo H ngồi ngoài xe chờ. Bị cáo T đi đến chỗ xe rồi lén lút dẫn xe ra chỗ bị cáo H đang đợi. Bị cáo H dùng đoản mở khóa xe nhưng không được nên bị cáo H ngồi lên chiếc xe rồi kêu bị cáo T chạy xe đẩy chiếc xe vừa trộm được đi đến chỗ vắng để bị cáo H bứt dây khóa xe. Sau khi bứt dây khóa xe xong bị cáo H chạy chiếc xe vừa trộm được về tỉnh Bình Dương còn bị cáo T chạy chiếc xe mô tô về nhà. Khi về tới phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương bị cáo H bán chiếc xe đó cho người thanh niên Y được 1.500.000 đồng. Bị cáo H gọi điện cho bị cáo T nói là xe bị cáo H để làm phương tiện sử dụng nên không chia tiền cho bị cáo T.

Ngày 06/5/2019 bị cáo H đi xe ô tô khách từ tỉnh Bình Dương đến huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh và thuê phòng trọ tại nhà trọ T thuộc ấp X, xã P, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Sau đó bị cáo H gọi điện thoại cho Thạch N, sinh năm 2003, ngụ ấp S, xã A, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh (bạn của bị cáo và bị cáo T) đến phòng trọ để ngày hôm sau bị cáo đưa N đi tỉnh Bình Dương tìm việc làm. Đến khoảng 08 giờ ngày 07/5/2019, bị cáo kêu N đi thì N nói là chờ mẹ gửi tiền về rồi đi, lúc đó bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của nhà trọ để bán lấy tiền. Bị cáo đi ra ngoài quan sát phát hiện có cái máy phát điện xoay chiều hiệu THIBIDI của ông P (1983) là chủ nhà trọ T để ở gần chỗ đậu xe, bị cáo kêu N đi ra phía trước cảnh giới để bị cáo lấy trộm. Sau khi lấy trộm được, bị cáo mang

vào phòng trọ cất giấu định khi trả phòng sẽ mang ra rồi đem đi bán lấy tiền. Quan sát camera ông Toàn phát hiện sự việc nên đến Công an huyện Cầu Kè trình báo sự việc. Qua kiểm tra phòng trọ mà bị cáo thuê, Công an huyện Cầu Kè phát hiện máy phát điện nên mời bị cáo và Thạch N làm việc.

Ngoài ra, bị cáo H và bị cáo T còn khai nhận, vào khoảng giữa tháng 3 năm 2019, tại khu vực phường O, thị xã C, tỉnh Bình Dương, hai bị cáo còn thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô hiệu Suzuki, loại xe Revo, không có biển kiểm soát (chiếc xe này hai bị cáo dùng làm phương tiện để thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô loại Sirius, biển kiểm soát 84K1 – 060.09 vào ngày 12/9/2019). Do không tìm được người bị hại và không đủ định lượng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè không khởi tố hai bị cáo về hành vi trộm cắp này.

Theo bản kết luận định giá tài sản số: 04, 05/BKL – HĐĐG ngày 07/5/2019 của Hội đồng định giá huyện Cầu Kè kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng – đen, biển kiểm soát 84K1 – 060.09, tại thời điểm xảy ra vụ án có giá trị 13.200.000đồng; máy phát điện xoay chiều hiệu Thibidi, màu bạc, tại thời điểm xảy ra vụ án có giá trị 1.400.000đồng.

Theo bản kết luận định giá tài sản số: 12, 13/BKL – HĐĐG ngày 17/6/2019 của Hội đồng định giá huyện Cầu Kè kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen – trắng, biển kiểm soát 84K1 – 070.65, tại thời điểm xảy ra vụ án có giá trị 8.640.000đồng; xe mô tô nhãn hiệu Waylc màu xanh, biển kiểm soát 51S8 – 4135, tại thời điểm xảy ra vụ án có giá trị 1.400.000đồng.

Về vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng – đen, biển kiểm soát 84K1 – 060.09, đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 84K1 – 060.09; 02 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô mang tên H; 01 máy phát điện xoay chiều hiệu Thibidi màu bạc; 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, màu đỏ – đen, số khung RL SBE 4DJ 080 136 198, số máy E 455 136 198, không có biển kiểm soát, đã qua sử dụng; 01 đèn pin đội đầu màu vàng – đen, dây đeo màu đỏ – đen, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số IMEI 359583/05/01825i/0, đã qua sử dụng; 01 giấy Hợp đồng cầm đồ của dịch vụ cầm đồ N, lập ngày 14/4/2019.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, biển kiểm soát 84k1 – 056.95 và xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, biển kiểm soát 84K1-301.81 mà bị cáo T, bị cáo H dùng làm phương tiện phạm tội; hai chiếc xe này bị cáo T mượn của cha mẹ bị cáo là ông Danh Sa R, bà Thạch Thị L nhưng ông Ruone, bà L không biết hai bị cáo dùng hai chiếc xe này để thực hiện hành vi trộm cắp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè không thu giữ.

Đối với người Đ, Y không xác định được địa chỉ và lai lịch cụ thể, có hành vi tiêu thụ tài sản nhưng cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè chưa làm việc được, khi nào làm việc được nếu đủ cơ sở xử lý sau.

Đối với Thạch N, dù có hành vi cùng với bị cáo H trộm cắp tài sản nhưng giá trị tài sản trộm cắp được là 1.400.000đồng, N không có tiền sự, tiền án nên hành vi của N không cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

Đối với ông Q, khi nhận cầm cố, không biết chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA số loại SIRIUS màu trắng – đen, biển kiểm soát 84K1 – 060.09 là do bị cáo H, bị cáo T trộm cắp mà có nên không có cơ sở xử lý.

Tại bản cáo trạng số: 29/CT-VKS-HS ngày 30/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Trần Phúc H và bị cáo Danh Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, vị Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo, sau khi phân tích các chứng cứ buộc tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, vị Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, o khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Phúc H từ 18 tháng đến 24 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 36, 100 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Danh Ngọc T từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Ngoài ra, vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo H, bị cáo T thừa nhận những hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh truy tố cũng như lời luận tội của vị Kiểm sát viên; trong lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Người bào chữa cho bị cáo T cho rằng, việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè truy tố bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khi phạm tội bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi, bị người khác xúi giục, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo theo yêu cầu của người bị hại.

Tại các biên bản lấy lời khai, đơn xin giải quyết vắng mặt, người bị hại ông P không có yêu cầu bị cáo H bồi thường thêm về trách nhiệm dân sự; về trách nhiệm hình sự người bị hại yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại các biên bản lấy lời khai, đơn xin giải quyết vắng mặt, người bị hại ông H không có yêu cầu bị cáo H, bị cáo T bồi thường thêm về trách nhiệm dân sự; về trách nhiệm hình sự người bị hại yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, người bị hại D cho rằng bị cáo T đã bồi thường cho ông được số tiền 1.000.000 đồng nên ông yêu cầu bị cáo H, bị cáo T liên đới bồi

thường tiếp cho ông số tiền 7.640.000đồng; về trách nhiệm hình sự người bị hại yêu cầu Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Tại phiên tòa hôm nay, người bị hại V cho rằng bị cáo T đã bồi thường cho ông được số tiền 500.000đồng nên ông yêu cầu bị cáo H, bị cáo T liên đới bồi thường tiếp cho ông số tiền 900.000đồng; về trách nhiệm hình sự người bị hại yêu cầu Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Tại các biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Q yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 8.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi của bị cáo Trần Phúc H, Danh Ngọc T: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè đã truy tố cũng như lời luận tội của vị Kiểm sát viên. Lời khai này của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 13 giờ 00 phút ngày 12/4/2019, tại khu vực thuộc M, xã P, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, bị cáo Trần Phúc H và bị cáo Danh Ngọc T có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen – trắng, biển kiểm soát 84K1 – 060.09 của ông H có giá trị 13.200.000đồng; vào khoảng 01 giờ 00 phút ngày 16/4/2019, tại khu vực thuộc ấp A, xã C, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, bị cáo Trần Phúc H và bị cáo Danh Ngọc T có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen – trắng, biển kiểm soát 84K1 – 070.65 của ông D, có giá trị 8.640.000đồng; vào khoảng 23 giờ 00 phút ngày 19/4/2019, tại khu vực thuộc M, xã Phong Thạnh, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, bị cáo Trần Phúc H và bị cáo Danh Ngọc T có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Waylc, biển kiểm soát 51S8 - 4135 của ông V, có giá trị 1.400.000đồng; vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 07/5/2019 tại nhà trọ T thuộc ấp X, xã P, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh bị cáo Trần Phúc H cùng với Thạch N có hành vi trộm cắp máy phát điện xoay chiều hiệu Thibidi, màu bạc của ông P, có giá trị 1.400.000đồng. Như vậy tổng giá trị tài sản mà bị cáo Trần Phúc H thực hiện hành vi trộm cắp là 24.640.000đồng; tổng giá trị mà bị cáo Danh Ngọc T thực hiện hành vi trộm cắp là 23.240.000đồng. Hành vi trên của các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân; hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố; xét thấy các quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân; hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đúng quy định pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối nên các quyết định và hành vi trên đều hợp pháp

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương. Bị cáo H là người chủ động rủ rê bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội. Còn bị cáo T khi nghe bị cáo H rủ rê đi trộm lẻ ra bị cáo phải ngăn cản nhưng ngược lại bị cáo hưởng ứng tham gia một cách tích cực. Về nhân thân, bị cáo H đã bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, mặc dù được cải tạo, giáo dục nhưng sau khi chấp hành xong hình phạt trở về địa phương bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Do đó cần áp dụng một hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, bảo đảm cho việc cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên; đối với bị cáo H còn bị áp dụng tình tiết tăng nặng xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội; các tình tiết tăng nặng này được quy định tại điểm g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét đến những tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như: các bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đối với bị cáo T đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, đối với bị cáo T khi phạm tội bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi, bị người khác xúi dục.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại P, H không có yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người bị hại D yêu cầu bị cáo H, bị cáo T bồi thường số tiền 7.640.000đồng, các bị cáo cũng đồng ý bồi thường số tiền trên cho người bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của các bị cáo.

Người bị hại V yêu cầu bị cáo H, bị cáo T bồi thường số tiền 900.000đồng, các bị cáo cũng đồng ý bồi thường số tiền trên cho người bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Q yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 8.000.000đồng, bị cáo H cũng đồng ý bồi thường số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo.

[7] Về vật chứng:

Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen – trắng, biển kiểm soát 84K1 – 060.09, đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 84K1 – 060.09; 02 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô mang tên H; 01 máy phát điện xoay chiều hiệu Thibidi màu bạc cho người bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với vật chứng là 01 giấy Hợp đồng cầm đồ của dịch vụ cầm đồ N, lập ngày 14/4/2019, Hội đồng xét xử tịch thu để lưu giữ vào hồ sơ vụ án.

Đối với vật chứng là 01 đèn pin đội đầu màu vàng – đen, dây đeo màu đỏ - đen, đã qua sử dụng; các bị cáo dùng làm phương tiện, công cụ phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số IMEI 359583/05/01825i/0, đã qua sử dụng là của bị cáo H, bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Đối với vật chứng là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, màu đỏ - đen, số khung RL SBE 4DJ 080 136 198, số máy E 455 136 198, không có biển kiểm soát, đã qua sử dụng, các bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội; chiếc xe này các bị cáo khai trộm cắp của người khác nhưng chưa xác định được chủ sở hữu, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè đã thông báo tìm kiếm chủ sở hữu theo quy định của pháp luật. Trường hợp tìm được chủ sở hữu thì giao trả lại cho chủ sở hữu; trường hợp sau 01 năm kể từ ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè ra thông báo tìm kiếm chủ sở hữu (ngày 29/7/2019) mà không xác định được chủ sở hữu thì tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[8] Xét bản luận tội của vị Kiểm sát viên kết luận bị cáo Trần Phúc H, Danh Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, mức hình phạt mà vị Kiểm sát viên đề nghị là tương xứng với tính chất vụ án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Xét lời bào chữa của vị Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo T cho rằng bị cáo T có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, bị người khác xúi giục xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là có cơ sở chấp nhận.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Phúc H, Danh Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, o khoản 1 Điều 52, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Phúc H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/5/2019.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 36, 91 và Điều 100 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Danh Ngọc T 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo Danh Ngọc T cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Danh Ngọc T có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban dân dân xã C, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo Danh Ngọc T.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584, Điều 585, 586, 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trần Phúc H, bị cáo Danh Ngọc T liên đới bồi thường cho người bị hại D số tiền 7.640.000đồng và bồi thường cho người bị hại V số tiền 900.000đồng.

Buộc bị cáo Trần Phúc H bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Q số tiền 8.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 228 Bộ luật dân sự 2015;

Tịch thu lưu giữ vào hồ sơ vụ án 01 giấy Hợp đồng cầm đồ của dịch vụ cầm đồ N, lập ngày 14/4/2019.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước đối với 01 đèn pin đội đầu màu vàng – đen, dây đeo màu đỏ - đen, đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Trần Phúc H 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số IMEI 359583/05/01825i/0, đã qua sử dụng.

Đối với vật chứng là 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, màu đỏ - đen, số khung RL SBE 4DJ 080 136 198, số máy E 455 136 198, không có biển kiểm soát, đã qua sử dụng, các bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội; chiếc xe này các bị cáo khai trộm cắp của người khác nhưng chưa xác định được chủ sở hữu, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè đã thông báo tìm kiếm chủ sở hữu theo quy định của pháp luật. Trường hợp tìm được chủ sở hữu thì giao trả lại cho chủ sở hữu; trường hợp sau 01 năm kể từ ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè ra thông báo tìm kiếm chủ sở hữu (ngày 29/7/2019) mà không xác định được chủ sở hữu thì tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Phúc Khải, bị cáo Danh Ngọc T mỗi người phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm

Buộc bị cáo Trần Phúc H, bị cáo Danh Ngọc T liên đới chịu 427.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (án phí trên số tiền 8.540.000đồng bồi thường cho người bị hại D, V)

Buộc bị cáo Trần Phúc H chịu 400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (án phí trên số tiền 8.000.000đồng bồi thường cho ông Q)

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt thì thời hạn trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Công an huyện Cầu Kè;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hùng